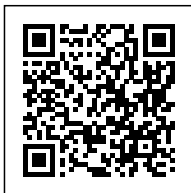


BÁT CHÍNH ĐẠO



Giáo lý **Bát chính đạo** đã có gần 30 thế kỷ nay, là bản kinh đầu tiên Phật thuyết sau khi thành đạo nơi cội Bồ đề, và nó đã từng giải quyết những vấn đề cụ thể trong quá khứ mà nội dung của nó đến nay vẫn không hề “cũ”, bởi nó là chân lý vượt thời gian, có giá trị thực tiễn đối với mọi thời đại.

Pháp Vương Tử

Thế kỷ XXI, thế giới bước vào đa phương hoá toàn diện, hình thành nên “*thế giới phẳng*” cùng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, khiến con người tiếp cận được mọi loại thông tin đa chiều ở mọi lúc, mọi nơi. Cùng với sự phát triển vượt trội của khoa học kỹ thuật là những ứng dụng công nghệ tiên tiến với “*trí tuệ nhân tạo*” để thực hiện những công việc mà trước đây là “*không thể*”, nay thực hiện nó lại dễ dàng.

Mặc dù vậy, nhân loại tiến bộ hôm nay có giàu lên về vật chất và đầy đủ các tiện nghi cho cuộc sống do những tiến bộ của khoa học đem lại, nhưng người ta vẫn nhận ra những sự bất toàn luôn rình rập cuộc sống này bởi: chiến tranh, thiên tai và dịch bệnh... mà nguyên nhân sâu xa là sự quên đi CHÂN LÝ VÔ NGÃ mà đức Phật đã nói lời cảnh tỉnh từ hơn 25 thế kỷ. Rồi, thật may nhân loại cũng bừng tỉnh để tìm đến sự “*cứu cánh*” cho mình, đó là TỰ CỨU. Là tái khẳng định về chức năng giáo dục trong các giáo lý nhà Phật, mà **Bát chính đạo** là một trong những giáo lý quan trọng bậc nhất.

Bát chính đạo được biết là bản kinh đầu tiên Phật thuyết cho nhóm năm anh em Kiều Trần Như cùng với Chư Thiên và Phạm Thiên tại Lộc Uyển gần thành Ba La Nại sau khi ngài thành đạo nơi cõi Bồ đề, vì thế **Bát chính đạo** cũng được gọi là Bát thánh đạo - là con đường chuyển hoá của bậc Thánh với tám phương thức tu tập để thoát ly sự ràng buộc của vô minh và tham ái mà đạo Phật cho là nguyên nhân của mọi khổ đau. Cũng vì thế, ở đây chữ THÁNH không mang tính siêu hình hay siêu thế nhưng lại được tôn xưng, kính ngưỡng vì đạo Phật là đạo trí tuệ, luôn đề cao sự nỗ lực và ý chí của con người gọi là sự TINH TIẾN, một trong những thiện pháp quyết định việc thành tựu đạo quả Bồ đề.

Thực hành con đường Thánh đạo này là tu tập tám yếu tố tâm linh vốn tương tức, liên quan mật thiết với nhau, hoạt động đồng thời và theo trình tự: “*Do có chính kiến, chính tư duy khởi lên. Do có chính tư duy, chính ngữ khởi lên. Do có chính ngữ, chính nghiệp khởi lên...*” (Kinh Đại tứ thập, trang 191). Nhưng trong tám phần Thánh đạo này, thì Chính kiến, tức cái thấy chân thật, đúng đắn, nhận thức đúng đắn hay còn gọi là TUỆ TRI. Cái thấy như thật đóng vai trò chủ đạo: nghĩa là, trong bảy chi phần Thánh đạo luôn có mặt của Chính kiến (cái thấy đúng như thật) soi sáng và kết hợp trong quá trình tu tập. (Chữ “tu tập” ở đây có tính mở rộng là TỰ SỬA MÌNH, mà tự sửa mình là dấu hiệu của trí tuệ. Sự “tu tập” ấy không khuôn định tới người tu xuất gia, tại gia và nó cũng không hẳn mang một ý nghĩa “tôn giáo” nào cả).



1- CHÍNH TRI KIẾN:

Có nhiều định nghĩa về Chính tri kiến, nhưng căn bản nhất là sự thấy biết đúng đắn về đạo đức trong cuộc sống, thấy được thiện - ác. Gặp việc ác không làm là thiện. Gặp việc thiện không làm là ác rồi. Ngoài ra còn phải biết rõ nguyên nhân của thiện - ác nữa, bởi người tu Phật không chỉ tu cầu giải thoát suông, mà trước hết phải tu trong bốn phạm làm người trước đã. Thế giới ngày nay vẫn đề tôn giáo và sự nhân danh tôn giáo đã tạo hoài nghi và xung đột ở nhiều nơi. Nếu chúng ta hoá giải được những đổ kỵ, bài xích, chống đối lẫn nhau thì dù chúng ta chưa xây dựng Thiên đường nơi trần gian nhưng sự hoà hợp, chia sẻ trong tình yêu thương và hiểu biết sẽ góp phần đáng kể đưa nhân loại thoát khỏi bế tắc, xung đột, chiến tranh và phá hủy môi trường sinh thái trên trái đất này. Và đó cũng là sự thấy biết của Chính kiến.

Cũng từ góc nhìn xã hội, với con mắt Chính kiến thì THAM NHŨNG được liệt là một hiện tượng tiêu cực, là “quốc nạn” mà mỗi quốc gia đều nhận diện và chỉ rõ được đặc tính nguy hại của tệ nạn này. Liên hiệp quốc khi nói về cuộc đấu tranh quốc tế chống tham nhũng đã định nghĩa: “tham nhũng đó là sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi tham nhũng là “giặc nội xâm”. Cho nên yếu tố cơ bản và “rất riêng” của người phạm tội tham nhũng là họ phải có địa vị xã hội nhất định. Điều đó đã gây cản trở không nhỏ cho việc nhận biết và điều tra của các cơ quan chức năng. Còn đạo Phật thì quy kết bất cứ hành vi thủ lợi nào không do sự lao động chân chính, không phải của mình và bị xã hội lên án đều phạm vào “giới trộm cắp” - Là một trong năm điều Thánh giới (ngũ giới) của nhà Phật. Hiểu được vậy là

Tuệ giác, là Chính kiến. Cho nên Chính kiến là nhận thức, là biện pháp tích cực ngăn ngừa đại nạn tham nhũng luôn là “quốc nạn” của nhiều quốc gia trên thế giới. Vì có sự thấy biết chân chính sẽ chuyển hóa gốc rễ về lòng tham. Và cũng từ “con đường Chính kiến”, bằng tuệ giác Duyên khởi chúng ta nhận diện đời sống xã hội hôm nay với những “xấu” và “tốt” trong mối tương hệ NHÂN - QUẢ, bởi mọi sự đều có nguyên nhân sâu xa. Nếu mỗi người đều có được nhận thức đầy đủ về Chính kiến và để “Chính kiến” có mặt trong đời sống, hẳn nhiên sẽ tạo nên một trật tự xã hội lành mạnh và tiến bộ. Ở một ý nghĩa sâu xa hơn trong giáo lý đạo Phật thì Chính kiến là cái THẤY vượt thoát “có” và “không” - nghĩa là cái thấy vượt thoát tất cả những cái thấy Đức Phật nói với đệ tử Ca Chiên Diên rằng: Chính kiến là cái thấy vượt thoát ý niệm có - không. Câu nói này của Đức Phật thuộc về chân lý thứ hai, tức đệ nhất nghĩa đế, chân lý tuyệt đối!

2- CHÍNH TƯ DUY:

Chính tư duy có được bởi sự hiểu biết và cái nhìn chân chính của Chính kiến đem lại. Hay nói cách khác, nó là kết quả của Chính kiến được tạo ra và định hình qua hệ tư tưởng chính trực với sự khảo sát của Tứ Đế - Duyên Khởi - Vô Ngã - Ngũ Uẩn. Tư duy chân chính sẽ là nền tảng cho lời nói và hành động đúng đắn. Chúng ta tu Chính tư duy dù là hàng xuất gia hay tại gia cũng đừng vội lầm tưởng là đã cắt đứt được ngay với môi trường xấu ác, nhất là khi được mọi người trân trọng, kính nể vì đã có... một chút công đức nào đó! Cần hiểu, đó mới là sự chuyển đổi THÂN NGHIỆP và KHẨU NGHIỆP gọi là cái vẻ “bên ngoài” với hiện tượng hiền lành, lời nói nhẹ nhàng dễ nghe, gọi là “hoà nham ái ngữ” thế thôi. Vì vậy người thực tu (tự sửa mình) là phải phát hiện “sự nghiệp” bên trong của mình, bởi có ai biết được suy nghĩ (tư duy) của mình đâu. “Một mình mình biết mình hay một mình” (Nguyễn Du) mà. Nếu ta không chính trực tự sửa đổi mình sẽ biến thành “tà tư duy”, dẫn đến tạo nghiệp xấu ác như thường.

Luôn tư duy điều thiện, lợi ích cho mình và cho người; giữ gìn tâm ý ngay thẳng, hướng đến Chính tư duy, khởi niềm tin trong sạch về những điều thâm kín sẽ nhận được sự hộ niệm của Phật vì Phật là đấng Như Lai nghĩa là không từ đâu đến và cũng không đi về đâu - đó là Pháp thân Phật, tiếng Phạn gọi là Tỳ lô giá na, dịch là: Biến nhất thiết xứ. Có nghĩa là, có mặt ở khắp nơi. Pháp thân của Phật ví như năng lượng giống như sóng vô tuyến (trong điện thoại, radio...), đúng tần số là bắt được sóng này, nên Phật giáo mới có câu “hữu cầu tất ứng”. Tâm chúng sinh nào tương ứng với Phật (tức tâm thiện lành...) thì ắt sẽ nhận được sự gia hộ của Ngài nên trong dân gian ta có câu, ai cũng có quý thần ở hai vai... là có ý đó. Người tu Chính tư duy khi thấy người phạm tội bị gông cùm trói buộc là hiểu sự “trói buộc” do nhân quả hiện tiền, từng làm điều tệ ác, bất thiện, từ đó nhận ra sợi giây trói buộc đáng sợ nhất là lòng tham. Lòng tham là gông cùm trói buộc vô hình mới là đáng sợ hơn cả. Từ đó cần nỗ lực cắt đứt “tà tư duy” để tự giải thoát. Cho nên Chính tư duy là “THÀNH PHẨM” của Tứ đế, Duyên khởi, như đức Phật đã tuyên bố: “Ai thấy được duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Như Lai”. Nếu tư tưởng nào không phản ánh được các nội dung nêu trên thì đó đều là tà tư duy.

3- CHÍNH NGŨ:

Là lời nói chân chính được xuất phát từ Chính Kiến và Chính tư duy. Nếu không có căn cứ từ hai điểm xuất phát này thì đều là “tà ngữ”. Nói vội vàng không cân nhắc đúng sai, hay những lời hứa suông cũng là một thói dối trá. Dối trá tất gây rối loạn xã hội, tùy theo từng cấp độ và vị trí xã hội của người nói dối. Nói dối cũng là tung tin bịa đặt, có thể gây hậu quả nghiêm trọng, như trong “mùa dịch covid 19 năm 2021” Nhà nước ta đưa ra khuyến cáo trong cộng đồng cần cảnh giác về “Covid -19” tin giả, đồng thời có chế tài với những khung hình phạt nghiêm khắc. Chính ngữ bây giờ cũng được hiểu rộng đó là các văn bản báo cáo, các hình thức truyền thông (mạng xã hội), các đề án, dự án, các báo cáo thống kê.v.v... Những năm gần đây, tham nhũng lớn không chỉ là rút ruột các công trình mà rút ruột ngay cả các dự án, đề án; nạn “hối lộ quyền lực” cũng được xem là loại tham nhũng. Cơ quan ngôn luận của Nhà nước ta đã từng phải thốt lên: “... Đất nước ta đã phải trải qua những cơn lốc của sự dối trá”. Cho nên nội dung giáo dục của Chính ngữ đã nêu 4 tà ngữ để tránh, đó là 4 biểu hiện:

1. Nói dối gọi là vọng ngữ.
2. Nói hai lưỡi gọi là lưỡng thiệt.
3. Nói lời ác gọi là ác khẩu.
4. Nói lời vô ích gọi là y ngữ.

Kế đó, Đức Phật còn dạy 5 loại ngữ hành, tức là 5 lời nói nên biết để thực hành trong đời sống:

1. Nói đúng thời, không phi thời, tức là nói đúng lúc, đúng chỗ. Ý kiến phải thiết thực nhằm đạt hiệu quả của lời nói.
2. Nói lời chân thật, không nói lời hư ngụy, tức lời nói không cần tô điểm bằng các mỹ từ khiến mất đi tính trung thực của lời nói.
3. Nói lời nhu hoà, không nói lời thô bạo: Tu Phật là “ngịch lưu” tức ngược dòng, chấp nhận nghịch cảnh để về nguồn. Tu phải giữ sự “hoà nhan ái ngữ”, nhất là khi gặp nghịch cảnh vẫn giữ được sự ôn hoà cùng những lời nói thân ái, cởi mở.
4. Nói điều lợi ích, không nói điều vô ích: làm người ai cũng mong cầu hạnh phúc, đương nhiên phải là hạnh phúc chân thật đem lợi ích đến cho mình và người khác. Nói điều vô ích là nói viển vông có thể đem lại điều bất lợi cho người nghe. Đạo Nho có lời răn: “Lời nói là then chốt của người quân tử, vinh nhục từ đấy mà ra, họa hoạn từ đấy mà vào, chớ sai sót”. Còn dân gian thì nói lời cảnh tỉnh... đừng có gây vạ miệng.
5. Lời nói xuất phát từ lòng “tù”, không xuất phát từ lòng “sân”. Thân, khẩu, ý thanh tịnh, đó là lòng từ. Đã có tâm từ thì lời nói ắt là từ. Khác với lòng từ là tham - sân - si. Tu tâm từ là đối trị nghịch cảnh. Không có nghịch cảnh thì... tu ở đâu? Cho nên Tổ Đạt ma mới bảo phiền não là hạt giống của Bồ đề.



4- CHÍNH NGHIỆP:

Nghiệp (Karma) trong thuật ngữ Phật học là hành vi có tác ý cho nên cũng có tà nghiệp và chính nghiệp. Chính nghiệp là một hành động hay hành vi có nhận thức và tư duy chân chính mà cội nguồn được xuất phát từ Chính kiến (cái thấy đúng như thật). Và ngược lại là tà nghiệp mà “đầu mối” của nó là tam độc tham - sân - si. Vì thế người tu, người có nhận thức Phật giáo phải nỗ lực loại trừ tất cả tư tưởng về lòng tham ái và lòng hận thù. Chính nghiệp trong Phật giáo không phải là nghề nghiệp chân chính như thế tục đã hiểu lầm. Cụm từ “*Duy tuệ thị nghiệp*” trong Kinh Bát đại nhân giác, nghĩa là chỉ có trí tuệ mới làm nên sự nghiệp cũng như chữ Nghiệp trong Chính nghiệp được bắt nguồn từ tạo tác của tâm (ý nghiệp), thông qua những hoạt động của thân - miệng - ý, gọi là TAM NGHIỆP. Do đó Nghiệp là khái quát một quy luật chung nhất về nguyên nhân và kết quả, nhằm chỉ cho một mục đích, một cứu cánh tích cực chung cùng. Cứu cánh đó là trí tuệ, là giải thoát, một mục tiêu mà suốt đời người tu theo hạnh Bồ tát theo đuổi. Do vậy, Chính nghiệp cũng là đời sống trong sạch, gương mẫu, chính trực của người tu Phật ở nơi đời.

5- CHÍNH MẠNG:

Đó là các hoạt động chân chính để nuôi sống sinh mạng chúng ta một cách chân chính nơi thế gian. Các hoạt động chân chính để nuôi sống thân mạng cũng chia làm hai: chính và tà- dù đó là các hoạt động chân tay gọi là lao động phổ thông hay là các hoạt động có tính trí óc như các nhà khoa học, các nhà điều hành lập pháp... chẳng hạn, lại mang tính lừa lọc, xảo trá hoặc những hoạt động ấy gây thiệt hại cho con người, cho môi sinh và xã hội như buôn bán độc dược không kiểm soát, tàng trữ hay buôn bán ma túy, chất gây nghiện hay vũ khí... thì được

gọi là TÀ, và ngược lại là CHÍNH. Tóm lại, Chính mạng là thực hành một nghề sinh nhai thích đáng, không gây sự chê trách của cộng đồng, xã hội. Thực hành tu Chính mạng chính là việc từ bỏ tà mạng.

6- CHÍNH TINH TIẾN:

Tinh tiến còn được gọi là tinh tấn, chính là sự nỗ lực siêng năng, chuyên cần của chính mình - bởi tu Phật là phát huy trí tuệ để “đánh thức” khả năng vốn có ở nơi mình, đó là khả năng THÀNH PHẬT, như Đức Phật từng nói chân thật ngay khi Ngài hốt nhiên thành đạo nơi cõi Bồ đề rằng tất cả chúng sinh đều có Phật - Tính - Tức trong mỗi con người nơi thế gian đều có hạt giống Phật; hạt giống Phật cũng được gọi là TRÍ VÔ SỰ, tức trí này có được không phải do thầy truyền thụ (vô sự) mà tự mình khai phá, tự mình giác ngộ. Giác ngộ là sáng tỏ lẽ thật, mà giác ngộ lại chính là TỰ NGỘ, vì không ai ngộ cho ai được. Đây là một đặc điểm trí tuệ của đức Phật mà khi thành đạo Ngài đã phát hiện ra ai ai cũng có cái “trí” này, nên nói “ở Thánh không Tăng, ở phàm không giảm” bình đẳng như nhau, để chúng ta noi theo, tu như Ngài. Thực ra nhận thức về “hạt giống Phật” bây giờ dưới ánh sáng của khoa học từ những thế kỷ trước thì đó là thành tố ADN: Đức Phật cũng xác quyết Ngài cũng là một con người như bất cứ một con người nào được sinh ra trên trái đất, và con đường khoa học đã cho ta khi nhìn vào con thì thấy cha; bởi trong cha là có con, là kế thừa tương tức là AND, là Duyên khởi, đó là “cái thấy” Chính kiến. Thế nên Chính tinh tiến cũng là năng lực kiểm soát và kiểm chế trong Chính kiến, chính tư duy, các hoạt động của thân, khẩu, ý nơi mỗi con người.

7- CHÍNH NIỆM:

Niệm cũng có chính và tà. Chính niệm là sự chú tâm quán tưởng, nghĩa là chú tâm ghi nhớ và suy nghĩ thường trực về 4 đề mục: thân thể - cảm thọ - tâm thức - các pháp (mọi sự mọi vật) để đưa đến sự loại trừ 4 tà niệm.

1. Thân thể là một hợp thể bất tịnh, đừng cho là đẹp đẽ, thanh tịnh mà khởi lòng ưa thích.
2. Cảm thọ, là các trạng thái tâm lý của các quan năng: 6 căn tiếp xúc với 6 trần dù khổ, sướng hay vô ký (không thiện - ác) hết thấy đều do nhân duyên sinh nên không cố chấp.
3. Tâm thức: Tâm là một thuật ngữ rất quan trọng trong giáo điểm Phật giáo vì nó hàm chứa nhiều ý nghĩa khác nhau giữa hai truyền thống A tỳ đàm (Phật giáo Nam tông) và Duy thức học (Phật giáo Bắc tông). Còn “THỨC” là sự phân biệt, nhận biết, nhận thức. Một số trường hợp trong kinh luận sử dụng THỨC để chỉ ý thức. Vì thế theo quan điểm A tỳ đàm ma thì không có sự khác biệt giữa TÂM và THỨC. Vấn đề ở đây là nắm vững lập trường của mỗi truyền thống để tôn trọng, tránh thiên kiến. Còn “tâm thức” trong nội dung Chính niệm này nhằm chỉ tâm lý con người luôn thay đổi, vô thường, chớ nên bảo thủ cho nó là trường tồn, vĩnh cửu.
4. Các pháp: hay còn gọi là mọi sự, mọi vật. Các pháp luôn tồn tại trong sự biến chuyển bởi “muôn pháp do nhân duyên sinh” như lời Phật dạy. Vì duyên sinh nên các Pháp không thật, từ con người đến muôn vật đều đúng như vậy.

8- CHÍNH ĐỊNH:

Định, gọi đủ là thiên định, nó không phải “đặc sản” riêng của Phật giáo. Các tôn giáo đều có “định” của họ. Cho nên những sự an định nào không có mặt của Chính Kiến với sự nhất tâm của 7 chi phần trong Bát chính đạo thì không được gọi là CHÍNH ĐỊNH của nhà Phật. Bởi Chính định trong Phật giáo là định của TAM VÔ LẬU HỌC, là ba môn học căn bản của đạo Phật. Đó là Định phát tuệ, bởi định này có Chính Kiến làm cốt lõi. Ở đây cũng cần hiểu thêm rằng, sự liên hệ của Bát chính đạo và Giới - Định - Tuệ luôn biểu thị tính nhất quán trong giáo lý và thực nghiệm. Đức Phật đã giảng rõ điều này trong kinh Tiểu Kinh Phương Quảng - Trung bộ I, số 41 rằng: *“Tám thánh đạo không bao gồm ba uẩn, nhưng ba uẩn bao gồm được cả Bát chính đạo:*

1. Giới Uẩn gồm: Chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng.
2. Định Uẩn gồm: Chính tinh tiến, chính niệm, chính định.
3. Tuệ Uẩn gồm: Chính kiến, chính tư duy.

Như vậy, giáo lý Bát chính đạo đã có gần 30 thế kỷ nay, là bản kinh đầu tiên Phật thuyết sau khi thành đạo nơi cội Bồ đề, và nó đã từng giải quyết những vấn đề cụ thể trong quá khứ mà nội dung của nó đến nay vẫn không hề “cũ”, bởi nó là chân lý vượt thời gian, có giá trị thực tiễn đối với mọi thời đại một khi con người vẫn còn đối diện với khổ đau. Thế nên Bát Chính đạo cũng như tất cả các giáo lý khác trong đạo Phật đều hướng đến chức năng giáo dục, đánh thức khả năng tiềm ẩn “*thành Phật*” nơi mỗi con người; mà bản chất của chức năng này đã hàm chứa một ý nghĩa cao đẹp vì đó là sự kết tinh, cô đúc một cách sinh động đạo lý tự nhiên là tính khách quan tuyệt đối trong việc tìm cầu và tuyên bố chân lý với trí tuệ và tình cảm của loài người để phục vụ đời sống con người.

Và nếu ai đó không có NIỀM TIN TÔN GIÁO hay ít có thái độ nghiêm túc đối với tôn giáo khi được “*tiếp cận*” Bát Chính đạo của đạo Phật hẳn cũng bị thuyết phục, bởi “*Thông điệp tôn giáo*” này đáp ứng phương cách sống hạnh phúc, nhiều cảm thông chia sẻ, là tôn giáo HOÀ BÌNH, những tố chất cần thiết trong đời sống tinh thần của nhân loại hôm nay và cả mai sau.

Pháp Vương Tử